

## Cung cấp nguồn điện ngoài trời tối ưu cho doanh nghiệp của bạn

# OMEGA UPS



- Thiết kế UPS tương tác đường dây
- Đầu ra sóng sin thuần túy
- Bộ điều chỉnh điện áp tự động (AVR)
- Màn hình LCD đơn giản và rõ ràng
- Phạm vi nhiệt độ hoạt động rộng (-37°C đến +74°C)



Model: Omega 1100 (1100VA)



Model: Omega 2000 (2000VA)

Bộ lưu điện PowerHub Omega được thiết kế cho mục đích sử dụng công nghiệp và ngoài trời, hoạt động trong môi trường khắc nghiệt với dải nhiệt độ từ -37°C đến +74°C. Với hệ số công suất đầu ra cao 1.0, bộ điều chỉnh điện áp tự động (AVR) giúp ổn định điện áp dao động, các tiếp điểm khô có thể lập trình để quản lý nguồn điện tốt hơn và khả năng giám sát trạng thái UPS theo thời gian thực, PowerHub Omega là lựa chọn lý tưởng cho mọi ứng dụng ngoài trời.

### Đặc trưng:



#### Accurate Message Deliver

Màn hình 4 dòng, 20 ký tự: Màn hình độ tương phản cao duy trì độ sắc nét tương tự ngay cả dưới ánh sáng mặt trời.

#### Tiếp điểm khô lập trình được.

6 tiếp điểm khô đầu ra và 1 tiếp điểm khô đầu vào lập trình được để giám sát trạng thái UPS.

#### Phương pháp giao tiếp linh hoạt.

Với khe thời gian giao tiếp, trạng thái UPS và hành động theo lịch trình có thể dễ dàng được thu thập từ việc giám sát hệ thống.

#### Chức năng AVR tích hợp.

Các vấn đề về chất lượng điện năng như điện áp dao động, điện áp thấp và điện áp cao có thể được giải quyết nhờ tính năng AVR tích hợp của UPS.

#### Khả năng tương thích với Chế độ Máy phát điện

Chế độ máy phát điện cho phép thay đổi rộng hơn về điện áp và tần số đầu vào trong khi vẫn sử dụng máy phát điện xoay chiều.

#### Các chế độ giao tiếp khác nhau

Chế độ giao tiếp:

- USB loại B
- RS-232
- Cổng Ethernet SNMP (tùy chọn)

#### Giám sát UPS

Phần mềm giám sát UPS cho phép hiển thị thông tin UPS thông qua trình duyệt web.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

| MODEL                              |                             | Omega 650                                                 | Omega 1100 | Omega 2000           | Omega 2500           | Omega 3000           |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------|------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Dung lượng                         |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| VA                                 |                             | 650VA                                                     | 1100VA     | 2000VA               | 2500VA               | 3000VA               |
| Watts                              |                             | 650W                                                      | 1100W      | 2000W                | 2500W                | 3000W                |
| Đầu vào                            |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Điện áp                            |                             | 120 VAC ±25% / 220/230/240 VAC ±25%                       |            |                      | 220/230/240 VAC ±25% |                      |
| Tần số                             |                             | 120 VAC 60Hz / 220/230/240 VAC 50/60Hz                    |            |                      |                      |                      |
| Đầu ra                             |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Dạng sóng                          |                             | Sóng sin thuần túy                                        |            |                      |                      |                      |
| Điện áp                            |                             | 120 VAC or 220/230/240 VAC                                |            | 220/230/240 VAC      |                      |                      |
| Tần số                             |                             | 50Hz / 60Hz ±0.5Hz                                        |            |                      |                      |                      |
| Thời gian chuyển đổi               | Chế độ bình thường (Tối đa) | 12ms                                                      |            |                      |                      |                      |
|                                    | Chế độ máy phát (Tối đa)    | 25ms                                                      |            |                      |                      |                      |
| Cổng kết nối nguồn AC              |                             | Khối đầu nối dây, đầu nối nhanh Anderson PP45, ổ cắm IEC. |            |                      |                      |                      |
| Bảo vệ                             |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Bảo vệ toàn diện                   |                             | Quá tải, cầu dao                                          |            |                      |                      |                      |
| Quản lý & Truyền thông             |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Cổng truyền thông                  |                             | Giao diện RS232, USB Type-B, card SNMP (tùy chọn)         |            |                      |                      |                      |
| Kích thước vật lý                  |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) (mm) |                             | 432 x 254 x 88.6 (2U)                                     |            | 432 x 254 x 133 (3U) | 432 x 320 x 133 (3U) | 432 x 460 x 133 (3U) |
| Trọng lượng (Kg)                   |                             | 13                                                        |            | 21                   | 21                   | 34                   |
| Kích thước đóng gói (mm)           |                             | 540 x 388 x 233                                           |            | 540 x 388 x 277      | 540 x 454 x 277      | 540 x 553 x 379      |
| Trọng lượng đóng gói (kg)          |                             | 14                                                        |            | 23                   | 24                   | 46                   |
| Chỉ báo                            |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Màn hình LCD                       |                             | Màn hình LCD đa chức năng 4 dòng                          |            |                      |                      |                      |
| Màn hình LED                       |                             | Trạng thái đầu ra, cảnh báo, đèn LED báo lỗi              |            |                      |                      |                      |
| Môi trường                         |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Nhiệt độ hoạt động                 |                             | -37 đến +74°C                                             |            |                      |                      |                      |
| Độ ẩm hoạt động                    |                             | 0-95% RH (Không ngưng tụ)                                 |            |                      |                      |                      |
| Tiếng ồn                           |                             | Dưới 50 dB                                                |            | Dưới 60 dB           |                      |                      |
| Pin                                |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| Dây chuyển                         |                             | 24 VDC / 48 VDC                                           |            | 48 VDC               |                      |                      |
| Loại                               |                             | Ắc quy chì-axit / Ắc quy lithi                            |            |                      |                      |                      |
| Dòng sạc tối đa                    |                             | 10A                                                       |            |                      |                      |                      |
| Tiêu chuẩn                         |                             |                                                           |            |                      |                      |                      |
| An toàn                            |                             | IEC62040-1                                                |            |                      |                      |                      |
| EMC                                |                             | IEC62040-2                                                |            |                      |                      |                      |

\* Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước  
\* Không giảm công suất trong toàn bộ phạm vi nhiệt độ

Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ:  
Công ty TNHH SG NexTech  
Địa chỉ: số 18BIS/18 Nguyễn Thị Minh Khai,  
phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel&Fax: +84 3910 4658  
Hotline: +84 83 397 1188  
Email: Sales@SGnextech.com.vn